

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 08/11/2019

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Bảo

2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2019/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N – sinh năm 1979; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Anh Trần Văn H – sinh năm 1972; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 7, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Trần Văn H tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 12 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Hoàng tại xóm 7, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình và vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H thường xuyên chơi bời, nghiện hút,

không tu trí làm ăn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh H vẫn không thay đổi tính nết, phân tích và nói nhiều thì anh H lại kiêu có đánh đập chị. Vì không chịu được nên năm 2004 anh chị đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi và vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể quay về chung sống cùng nhau được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con cái: Chị và anh H có một con chung cháu Trần Văn N sinh ngày 22 tháng 2 năm 2003. Hiện cháu N đang ở cùng với chị nên chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung, tài sản riêng của ai người đó quản lý sử dụng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản sự việc lấy lời khai ngày 26 tháng 9 năm 2019 của bị đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị N là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh và chị N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Khi vợ chồng sinh con được hai năm thì chị N tự ý bế con bỏ đi. Từ năm 2005 cho đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm đến nhau nữa. Năm 2011 anh có làm các thủ tục ly hôn chị N nhưng chị N không hợp tác, không đến Tòa để giải quyết ly hôn. Nay chị N có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn. Nếu Chị N cương quyết xin ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết việc làm đơn ly hôn đơn phương của chị N. Anh không ký nhận bất kỳ giấy tờ gì của Tòa án và Tòa án cứ giải quyết vắng mặt anh.

Về con cái thì giữa anh và chị N có một con chung cháu Trần Văn N sinh năm 2003, hiện cháu đang ở cùng với chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng cháu N muốn ở với ai thì tôn trọng ý kiến của con. Anh không có ý kiến gì.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Trần Văn N thì nguyện vọng cháu muốn ở với chị Phạm Thị N để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Tòa án nhân dân huyện K đã giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của BLTTDS cho anh H, mặc dù có mặt ở nhà nhưng anh H cố tình không ký nhận văn bản tố tụng và không tham gia hòa giải, tiếp cận chứng cứ và không hợp tác để cùng giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tổ tụng dân sự, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tổ tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Trần Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn N, sinh ngày 22 tháng 2 năm 2003 cho chị Phạm Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Trần Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

- Án phí: Chị Phạm Thị N nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2000 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình, như vậy hôn nhân của chị N và anh H hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 7, xã H. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Cả chị N và anh H đều xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và thường xuyên đánh cãi chửi nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, năm 2011 anh H đã làm các thủ tục xin ly hôn chị N nhưng chị N không hợp tác. Cả hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2005 cho đến nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị N có đơn xin ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn và không hợp tác, không làm việc với Tòa. Tuy nhiên bản thân anh H không đồng ý ly hôn là do anh theo đạo thiên chúa nên bản thân không được phép ly hôn.

Mặt khác căn cứ vào các tài liệu chứng cứ chị N cung cấp cho Tòa án tại đơn xin xác nhận về mâu thuẫn vợ chồng thể hiện: Chị và anh H có Đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh H được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do cả hai bên đi theo đạo thiên chúa nên anh chị không ly hôn mà cố gắng khắc phục mâu thuẫn. Anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau 15 năm nay và không quan tâm, có trách nhiệm với nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 10 năm 2019 Ủy ban nhân dân xã H cung cấp như sau: Anh H và chị N có Đăng ký kết hôn tại UBND xã Y là quê của chị N, sau khi kết hôn anh H và chị N về chung sống cùng bố mẹ anh H được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng năm 2004 – 2005 chị N bỏ nhà chồng về quê sinh chị N sống, từ đó đến nay địa phương không thấy chị N quay về chung sống cùng với anh H nữa. Nay anh chị làm các thủ tục ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có một con chung cháu Trần Văn N sinh ngày 22 tháng 2 năm 2003 hiện đang ở cùng với mẹ, chị N có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, bản thân anh H thì xác định cháu N có nguyện vọng ở với ai thì tôn trọng nguyện vọng của con và giao con cho người đầy chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ vào lời khai nguyện vọng thì cháu N muốn ở cùng với chị N để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Trần Văn N căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần phải giao cháu Trần Văn N cho chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chưa thành niên trong vụ án hôn nhân gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng đối với con do chị N không yêu cầu cấp dưỡng và chị xác định bản thân đủ khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên anh Hoàng không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối cháu N.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn H được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn N sinh ngày 22 tháng 2 năm 2003 cho chị Phạm Thị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003134 ngày 10 tháng 09 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Y, huyện K
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh